

Số: 22/BC-THTQT

Cầu Tre, ngày 26 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO
Về kết quả thực hiện quy chế công khai
Năm học 2023 - 2024

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống quốc dân;

Thực hiện chỉ đạo của Phòng GD&ĐT Quận Ngô Quyền, trường Tiểu học Trần Quốc Toản báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai năm học 2023 - 2024 như sau:

I. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Tên trường: Trường Tiểu học Trần Quốc Toản

Địa chỉ: Số 41/313 Đà Nẵng - phường Cầu Tre - Quận Ngô Quyền -
Thành phố Hải Phòng

Website: www.thtranquoctoanngoquyen.edu.vn

Email: th-tranquoctoan@ngoquyen.edu.vn

**II. TRIỂN KHAI THÔNG TƯ SỐ 36/2017/TT-BGDĐT CỦA BỘ
TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Nhà trường đã triển khai Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên tại đơn vị.

**III. TỔ CHỨC CÔNG KHAI CÁC NỘI DUNG THEO ĐIỀU 5 CỦA
THÔNG TƯ 36/2017/TT-BGDĐT BAO GỒM**

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

1.1. Cam kết chất lượng giáo dục:

Nhà trường đã công khai đầy đủ thông tin về điều kiện tuyển sinh; Chương trình giáo dục mà nhà trường đang thực hiện; Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh; Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục; Kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh. (Biểu mẫu 05)

1.2. Chất lượng giáo dục thực tế:



- Số học sinh học 2 buổi/ngày; số học sinh được đánh giá định kỳ cuối năm học về từng năng lực, phẩm chất, kết quả học tập, tổng hợp kết quả cuối năm đối với trường tiểu học (Biểu mẫu 06).

- Kết quả học tập của học sinh được công khai trên phần mềm quản lý của nhà trường.

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2024-2025, trong đó công khai đầy đủ thông tin về chỉ tiêu tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh, thời gian tuyển sinh.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

2.1. Về cơ sở vật chất: (Biểu mẫu 07).

- Đảm bảo số phòng học đủ để phục vụ hoạt động dạy và học.

- Nhà trường không ngừng đầu tư, mua sắm trang thiết bị dạy học nhằm phục vụ, nâng cao chất lượng dạy và học.

- Thực hiện đúng các quy định về quản lý tài sản, đảm bảo an toàn tài sản, phát hiện kịp thời tài sản hư hỏng để khắc phục sửa chữa.

2.2. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Biểu mẫu 08),

3. Công khai thu chi tài chính:

- Trong năm học, quy chế chi tiêu nội bộ được rà soát, điều chỉnh phù hợp với thực tiễn của nhà trường.

- Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, 100% chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn tài trợ rõ ràng, chi tiết các hạng mục đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học trong năm học 2023-2024.

- Đã công khai kế hoạch vận động tài trợ, danh sách nhà tài trợ, số tiền tài trợ.

4. Hình thức công khai: Các nội dung trên được công khai thông qua các hình thức:

- Thông báo phổ biến thông qua các buổi họp cha mẹ học sinh

- Niêm yết công khai tại nhà trường.

- Công khai trên trang thông tin điện tử nhà trường tại địa chỉ <http://thtranquoctoan.haiphong.edu.vn> mục Công khai.

IV. ĐÁNH GIÁ

- Nhà trường đã thực hiện công bố công khai đầy đủ các nội dung và đảm bảo tính kịp thời theo quy định.

Trên đây là báo cáo về kết quả thực hiện quy chế công khai năm học 2023-2024 của trường Tiểu học Trần Quốc Toàn.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Hoa



Biểu mẫu 05*(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng**Bộ Giáo dục và Đào tạo)***ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ QUYỀN****TRƯỜNG TH TRẦN QUỐC TOẢN****THÔNG BÁO****Cam kết chất lượng giáo dục của trường Tiểu học,
năm học 2024 – 2025**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Tất cả HS sinh năm 2018 trở về trước thuộc địa bàn phường Đông Khê đều được tuyển sinh.	Tất cả HS 7-10 tuổi trong và ngoài địa bàn đều được tuyển sinh. Yêu cầu: HS đã học xong chương trình lớp 1.	Tất cả HS 8-11 tuổi trong và ngoài địa bàn đều được tuyển sinh. Yêu cầu: HS đã học xong chương trình lớp 2	Tất cả HS 9-12 tuổi trong và ngoài địa bàn đều được tuyển sinh. Yêu cầu: HS đã học xong chương trình lớp 3	Tất cả HS 10-13 tuổi trong và ngoài địa bàn đều được tuyển sinh. Yêu cầu: HS đã học xong chương trình lớp 4
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện Chương trình GDPT 2018 (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Nhà trường sẽ thông báo kết quả giáo dục Đạo đức lối sống và năng lực học tập của học sinh theo từng tháng, từng học kì; gia đình phải liên hệ thường xuyên với GVCN, với ban giám hiệu để cùng phối hợp giáo dục HS. HS phải thực hiện đầy đủ 4 nhiệm vụ của một HS Tiểu học, chấp hành đầy đủ nội quy của nhà trường.				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Trong năm học, nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khoá, các chuyên đề Đội cấp Quận và Thành phố, các buổi sinh hoạt Đội theo nội dung các chủ điểm tháng, tổ chức các trò chơi dân gian, lồng ghép giáo dục kỹ năng sống, tổ chức tham quan học tập hướng về nguồn cội để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.				
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Cuối năm học, tất cả HS đều được đánh giá 100% Đạt về năng lực, phẩm chất. - Cuối năm học, HS đều đạt được Chuẩn kiến thức-Kỹ năng theo quy định của từng khối lớp, phần đầu có 99->100% HS chuyển lớp và 100% học sinh lớp 5 được công nhận hoàn thành chương trình Tiểu học.				

		- Duy trì sĩ số: 100% - Cuối năm học, 100% HS đều có đủ sức khoẻ để tiếp tục học tập, sinh hoạt, vui chơi.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Cuối năm học, các em HS đều đảm bảo được trang bị đủ kiến thức, kỹ năng để tiếp tục theo học các lớp trên.

Cầu Tre, ngày 28 tháng 6 năm 2024.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Hoa

Biểu mẫu 06

(Ban hành kèm theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và đào tạo)

UBND QUẬN NGÔ QUYỀN
TRƯỜNG TH TRẦN QUỐC TOẢN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
Năm học 2023 - 2024

TT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1048	182	222	222	223	199
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1048	182	222	222	223	199
III	Số học sinh khuyết tật học hòa nhập	10	02	1	4	1	2
IV	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1006	177	215	202	214	198
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	40	4	6	20	9	1
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	2	1	1	0	0	0
V	Số học sinh chia theo kết quả giáo dục						
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	994 (94,8%)	176 (96,7%)	211 (95 %)	199 (89,6%)	210 (94,1%)	198 (99,5%)
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	52 (4,9%)	5 (2,7%)	10 (4,5 %)	23 (10,4%)	13 (5,9%)	1 (0,5%)
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	02 (0,3%)	1 (0,6%)	1 (0,5 %)			
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1046	181	221	222	223	199
a	HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	996	177	212	199	210	198
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	10	0	2	2	1	5
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2	1	1	0	0	0

Cầu Tre, ngày 28 tháng 6 năm 2024



Lê Thị Hoa

Biểu mẫu 07

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN

TRƯỜNG TH TRẦN QUỐC TOẢN

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường Tiểu học
Năm học 2024 – 2025**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	28/28	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	28	1,2 m ² /1 HS
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ, mượn	0	
III	Số điểm trường lẻ	1	
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	2187m ²	2,1m ² /1HS
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1100m ²	1,08m ² /1HS
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1276m ²	1,2m ²
2	Diện tích thư viện (m ²)	44m ²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất (nhà đa năng) (m ²)	0	0
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	0	0
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	0	0
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	44m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	30m ²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	20m ²	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	20 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		

1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	06 bộ	
1.2	Khối lớp 2	06 bộ	
1.3	Khối lớp 3	06 bộ	
1.4	Khối lớp 4	06 bộ	
1.5	Khối lớp 5	0 bộ	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0 bộ	
2.5	Khối lớp 5	06 bộ	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ) - 01 phòng Tin học - 28 phòng học - Máy tính xách tay	59 bộ 29 bộ 28 bộ 02 bộ	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	30 Chiếc	
2	Cát xét	02 Cái	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01 Cái	
5	Máy phô tô	0 1	
6	Máy in	08 Cái	
7	Âm li	03 cái	
8	Loa	04 cái	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	01 (80m ²)

XI	Nhà ăn	0
----	--------	---

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	19 phòng (800 m ²)	800	1,0 m ² / Chỗ
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02	0	5/5	0	0,09m ² /1HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

Cầu Tre, ngày 28 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Hoa

Biểu mẫu 08*(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng**Bộ Giáo dục và Đào tạo)***ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN****TRƯỜNG TH TRẦN QUỐC TOẢN****THÔNG BÁO****Công khai thông tin về đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên của trường Tiểu học,
Năm học 2024 - 2025**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	47		04	43				01	13	33				
I	Giáo viên	43		01	42					13	30	41	2		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	06			06										
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	03			03						03	03			
3	Văn hóa	36		01	35					08	27	34	2		
4	Tin học														
5	Âm nhạc	01			01						01	01			
6	Mỹ thuật	02			02					01	01	02			
7	Thể dục	0													
8	Tổng phụ trách	01			01					01		01			
II	Cán bộ quản lý	03		03	0						03				
1	Hiệu trưởng	01		01							01	01			
2	Phó hiệu trưởng	02		02							02	02			
III	Nhân viên	02			01		01		01		01				
1	Nhân viên văn thư	0													
2	Nhân viên kế toán	01			01						01				

3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	0													
5	Nhân viên thư viện	01			01				01						
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0													
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													
9	Lao công, Bảo vệ, Bếp, chăm nuôi bán trú	14													

Cầu Tre, ngày 28 tháng 6 năm 2024



Lê Thị Hoa